

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
SỞ TÀI CHÍNH- SỞ XÂY DỰNG –
SỞ TÀI NGUYÊN&MÔI TRƯỜNG**
Số: ~~1771~~ /HDLN-SKHĐT-STC-
SXD-STNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 19 tháng 8 năm 2021

HƯỚNG DẪN LIÊN NGÀNH

Thực hiện Chương trình hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 09/2/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc Ban hành Chương trình hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025;

Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính - Sở Xây dựng - Sở Tài nguyên và Môi trường, phối hợp xây dựng Hướng dẫn liên ngành về nội dung chi, mức chi và lập dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ thành lập mới củng cố tổ chức kinh tế tập thể, liên hiệp hợp tác xã:

1.1. Đối tượng hỗ trợ, nội dung hỗ trợ.

Thực hiện theo quy định tại điểm a,b, Khoản 1, Mục III, Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

1.2. Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ (áp dụng mức hỗ trợ tại điểm c, khoản 2, Điều 5, Chương II, Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh) hỗ trợ 100% kinh phí cho hợp tác xã thành lập mới, đăng ký thay đổi theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012. Mức hỗ trợ tối đa 30.000.000 đồng/hợp tác xã.

- Ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh) hỗ trợ 50% kinh phí cho các hợp tác xã chuyển đổi, chia tách, hợp nhất hoặc sáp nhập theo Luật Hợp tác xã năm 2012. Mức hỗ trợ tối đa 15.000.000 đồng/hợp tác xã.

1.3. Trình tự hồ sơ được xét hỗ trợ.

- Đối với hợp tác xã thành lập mới, đăng ký thay đổi theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị hỗ trợ; giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; hồ sơ thành lập hợp tác xã; bảng kê chi tiết từng nội dung chi hỗ trợ và các chứng từ kèm theo bảng kê, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính.

- Đối với hợp tác xã chuyển đổi, chia tách, hợp nhất hoặc sáp nhập theo Luật

Hợp tác xã năm 2012, hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị hỗ trợ; các hồ sơ thành lập hợp tác xã; nghị quyết đại hội thành viên; danh sách Hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên, ban giám đốc hợp tác xã ...”

- Hồ sơ được lập thành 03 bộ gửi đến Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã và thành phố Trà Vinh (gọi chung là cấp huyện).

1.4. Quy trình thanh toán kinh phí hỗ trợ (áp dụng theo điểm d, khoản 2.2, mục 2, Công văn số 1441/STC-NS ngày 27/7/2017 của Sở Tài chính).

Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện tiếp nhận, thẩm định hồ sơ (không quá 05 ngày làm việc), nếu đủ điều kiện hỗ trợ thì trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt (không quá 03 ngày làm việc); sau khi có Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ hợp tác xã theo hình thức lệnh chi tiền vào tài khoản của hợp tác xã mở tại Ngân hàng thương mại (không quá 02 ngày làm việc).

Trường hợp không thống nhất hỗ trợ phải trả lời bằng văn bản cho hợp tác xã.

2. Hỗ trợ nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể:

2.1. Đối tượng, điều kiện, nội dung hỗ trợ.

Thực hiện theo điểm a,b,c, Khoản 2, Mục III, Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2.2. Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ:

a. Hỗ trợ đào tạo.

- Ngân sách địa phương (nguồn sự nghiệp giáo dục - đào tạo của cấp huyện) bảo đảm 100% kinh phí đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập thể được chi trả học phí, tài liệu theo quy định của cơ sở đào tạo; hỗ trợ kinh phí ăn ở cho học viên ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng. Mức chi hỗ trợ: Mức lương tối thiểu vùng quy định tại Khoản 1,2, Điều 3, Nghị định 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ x (nhân) 1,5 (lần).

- Ngân sách trung ương bảo đảm 100% kinh phí đối với công chức, viên chức của các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, Liên minh hợp tác xã, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị- xã hội, giảng viên.

b. Hỗ trợ bồi dưỡng.

- Ngân sách trung ương bảo đảm 100% kinh phí đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập thể hỗ trợ 100% chi phí đi lại, tổ chức lớp học và mua tài liệu học tập; chi phí ăn, ở đối với các tổ chức kinh tế tập thể nằm trong vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật hiện hành (*bao gồm: Các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư Chương trình phát triển kinh tế - xã hội, các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo*); đối với các vùng khác bằng 90% mức hỗ trợ của các tổ chức kinh tế tập thể hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; bằng 80% của các tổ chức kinh tế tập thể khác.

- Ngân sách trung ương bảo đảm 100% kinh phí đối với công chức, viên chức của các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, Liên minh hợp tác xã, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, giảng viên.

- Ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh) hỗ trợ 100% kinh phí đối với lao động trẻ về làm việc tại các tổ chức kinh tế tập thể; hỗ trợ hàng tháng ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng, tối đa 03 năm/người, tối đa 02 người/tổ chức kinh tế tập thể/năm. Mức chi hỗ trợ: Mức lương tối thiểu vùng quy định tại Khoản 1,2, Điều 3, Nghị định 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ x (nhân) 1,5 (lần) x (nhân) số tháng được hỗ trợ x (nhân) số lượng lao động được hỗ trợ.

- Đối với các hợp tác xã đã thu hút lao động theo Thông tư 340/2016/TT-BTC ngày 29/12/2016 của Bộ Tài Chính, đến năm 2020 đã kết thúc giai đoạn 2015-2020. Nếu số lao động này có mong muốn làm việc gắn bó lâu dài với hợp tác xã và hợp tác xã có nhu cầu tiếp nhận tiếp tục làm việc, thì được chuyển tiếp hỗ trợ thêm tối đa không quá 36 tháng theo chương trình này và tối đa không quá 02 lao động/hợp tác xã". Mức chi hỗ trợ: Mức lương tối thiểu vùng quy định tại Khoản 1,2, Điều 3, Nghị định 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ x (nhân) 1,5 (lần) x (nhân) số tháng được hỗ trợ x (nhân) số lượng lao động được hỗ trợ.

* Trường hợp Chính phủ có điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng (điều chỉnh Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ) thì thực hiện theo văn bản điều chỉnh của Chính phủ.

2.3. Trình tự hồ sơ được xét hỗ trợ.

- Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.
- Văn bản đề nghị hỗ trợ của hợp tác xã (kèm bản kê chi tiết nội dung hỗ trợ), có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi hợp tác xã đóng trụ sở chính.
- Phương án sử dụng lao động.
- Hợp đồng lao động.

2.4. Quy trình thanh toán kinh phí hỗ trợ (áp dụng theo điểm d, khoản 2.2, mục 2, Công văn số 1441/STC-NS ngày 27/7/2017 của Sở Tài chính).

Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện tiếp nhận, thẩm định hồ sơ (không quá 05 ngày làm việc), nếu đủ điều kiện hỗ trợ thì trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt (không quá 03 ngày làm việc); sau khi có Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ hợp tác xã theo hình thức lệnh chi tiền vào tài khoản của hợp tác xã mở tại Ngân hàng thương mại (không quá 02 ngày làm việc).

Trường hợp không thống nhất hỗ trợ phải trả lời bằng văn bản cho hợp tác xã.

3. Hỗ trợ xúc tiến thương mại:

3.1. Hỗ trợ xúc tiến thương mại.

Nội dung hỗ trợ: Các HTX tham gia các chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh do các cơ quan, đơn vị tỉnh, huyện tổ chức thì được hỗ trợ các khoản chi phí sau:

- Chi hỗ trợ chi phí vận chuyển hàng hóa từ HTX đến nơi tổ chức hội chợ và

ngược lại.

- Chi hỗ trợ chi phí thuê gian hàng.
 - Chi hỗ trợ chi phí in ấn, thiết kế, trang trí gian hàng
- Thủ tục thanh, quyết toán thực hiện theo quy định hiện hành.

3.2. Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Chi hỗ trợ thuê tư vấn thiết kế, bao bì nhãn hiệu, chi phí lần đầu đăng ký mã truy xuất sản phẩm.

Mức hỗ trợ 100%.

Thủ tục thanh, quyết toán thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm:

4.1 Các phương thức hỗ trợ và trình tự thực hiện các thủ tục đề nghị hỗ trợ, cụ thể như sau:

a) Trường hợp 1 (Phương thức hỗ trợ 1): Nhà nước hỗ trợ cho hợp tác xã thông qua cấp chính quyền địa phương xây dựng, mua sắm và bàn giao cho Hợp tác xã.

Đối với trường hợp này, quy mô đầu tư của dự án đầu tư kết cấu hạ tầng được xác định trên cơ sở đơn đề nghị hỗ trợ của Hợp tác xã và các điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Khoản 4 Mục III của Chương trình hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh.

Theo phương thức hỗ trợ này, cấp chính quyền địa phương được giao thực hiện dự án đầu tư kết cấu hạ tầng, phải thực hiện các thủ tục đầu tư đảm bảo tuân thủ theo quy định hiện hành của pháp luật về: Đầu tư công, Xây dựng, Đấu thầu và pháp luật có liên quan.

Sau khi tổ chức thi công xây dựng hoàn thành dự án đầu tư kết cấu hạ tầng, cấp chính quyền được giao thực hiện dự án có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình kèm theo hồ sơ quản lý chất lượng công trình theo quy định của Luật Xây dựng cho Hợp tác xã. Công tác thanh, quyết toán dự án hoàn thành, cấp chính quyền được giao thực hiện dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Trong quá trình khai thác sử dụng, Hợp tác xã nhận bàn giao công trình kết cấu hạ tầng có trách nhiệm phối hợp với cấp chính quyền địa phương thực hiện công tác bảo hành, bảo trì công trình theo nội dung quy định trong Hợp đồng thi công đã ký. Đồng thời, Hợp tác xã có trách nhiệm quản lý và lưu trữ hồ sơ quản lý chất lượng công trình được bàn giao theo quy định hiện hành.

b) Trường hợp 2 (Phương thức hỗ trợ 2): Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng sử dụng vốn hỗn hợp (vốn ngân sách, vốn đầu tư công và vốn đối ứng của Hợp tác xã).

Đối với trường hợp này quy mô đầu tư của dự án được xác định trên cơ sở đơn đề nghị hỗ trợ của Hợp tác xã, nguồn vốn đối ứng của Hợp tác xã và các điều kiện

hỗ trợ theo quy định tại Khoản 4 Mục III của Chương trình hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh.

Theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng, đối với trường hợp Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng sử dụng vốn hỗn hợp gồm vốn ngân sách (vốn đầu tư công) và vốn đối ứng của Hợp tác xã. Do đó, đối với trường hợp này phương thức hỗ trợ thực hiện giống như Trường hợp 1 vừa nêu ở phần trên.

Nhà nước hỗ trợ cho hợp tác xã thông qua cấp chính quyền địa phương, mua sắm và ban giao cho hợp tác xã: hồ sơ thủ tục thanh toán qua KBNN theo quy định tại Nghị định 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Kho bạc Nhà nước quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và các văn bản quy định hiện hành.

(Trường hợp 1 và 2 xem áp dụng Trình tự, hồ sơ cấp quyết định chủ trương đầu tư cho Hợp tác xã tại 4.3) => Chủ trương đầu tư thực hiện theo luật đầu tư công.

c) Trường hợp 3 (Phương thức hỗ trợ 3): Hợp tác xã tự thực hiện dự án đầu tư kết cấu hạ tầng bằng nguồn vốn của Hợp tác xã và đề nghị hỗ trợ sau đầu tư.

Đối với trường hợp này, Hợp tác xã tự thực hiện dự án đầu tư kết cấu hạ tầng bằng vốn của Hợp tác xã theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Xây dựng và pháp luật có liên quan. Sau khi tổ chức xây dựng hoàn thành công trình, Hợp tác xã hoàn thiện hồ sơ và đề nghị xem xét hỗ trợ theo quy định của Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh.

Trình tự thủ tục các bước để thực hiện dự án đầu tư kết cấu hạ tầng bằng vốn của Hợp tác xã theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Xây dựng và pháp luật có liên quan và đề nghị hỗ trợ sau đầu tư, thực hiện theo các bước sau:

- Bước 1: Lập thủ tục đề nghị chấp thuận đầu tư và các thủ tục về đất đai.

Trình tự, thủ tục các bước thực hiện theo nội dung hướng dẫn tại Khoản 4.2 và Khoản 4.3.

- Bước 2: Lập, thẩm định và phê duyệt dự án (đối với dự án chỉ có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật).

+ Đối với bước này, Sở Xây dựng hướng dẫn thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt dự án chỉ có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật (dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ; trường hợp dự án có tổng mức đầu tư lớn hơn 15 tỷ đồng, sẽ có văn bản hướng dẫn chi tiết đối với từng dự án, để Hợp tác xã tham khảo thực hiện theo quy định)

+ Sau khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, Hợp tác xã tổ chức lập và thực hiện thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật theo quy định tại Khoản 14 Điều 1 Luật số 62/2020/QH13 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng và Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

+ Sau khi thẩm định, Hợp tác xã có trách nhiệm phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật theo quy định tại Khoản 17 Điều 1 Luật số 62/2020/QH13 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

- Bước 3: Đề nghị cấp giấy phép xây dựng.

Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình thuộc trường hợp phải cấp giấy phép xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định tại Khoản 30 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ, gồm:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng áp dụng Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

(2) Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

(3) Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật; Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng (nếu có); Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy (nếu có); Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có);

(4) 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm; bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.”

- Bước 4: Tổ chức thi công xây dựng công trình và nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng.

+ Hợp tác xã tổ chức thi công xây dựng công trình và tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng theo quy định hiện hành của pháp luật về xây dựng.

+ Tổ chức lập hồ sơ quản lý chất lượng công trình theo danh mục hồ sơ quy định tại Phụ lục VIb ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ, để lưu trữ hồ sơ theo quy định.

*** Một số nội dung khác có liên quan đối với thủ tục đầu tư xây dựng:**

- Trường hợp Hợp tác xã đáp ứng điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng các lĩnh vực như: lập, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, giám sát thi công xây dựng công trình, thi công xây dựng công trình,... Hợp tác xã được tự thực hiện một trong các công việc như vừa nêu theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với trường hợp tự thực hiện dự án đầu tư kết cấu hạ tầng bằng nguồn vốn của Hợp tác xã.

Đồng thời, cấp chính quyền địa phương thực hiện dự án đầu tư kết cấu hạ tầng có thể xem xét giao cho Hợp tác xã thực hiện một trong các công việc như vừa nêu

trên, đối với trường hợp Hợp tác xã đáp ứng điều kiện năng lực theo quy định và trên cơ sở tuân thủ theo quy định của pháp luật về xây dựng và đấu thầu.

- Đối với thủ tục về đất đai, Hợp tác xã có thể thực hiện song song với quá trình lập, thẩm định và phê duyệt Báo kinh tế kỹ thuật, để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án.

- Hợp tác xã quyết định việc tổ chức thẩm tra để phục vụ công tác thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật. Đơn vị tư vấn được lựa chọn để thẩm tra phải đáp ứng điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định hiện hành của pháp luật về xây dựng.

- Bước 5: Quy trình thủ tục thanh quyết toán đối với chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng

Về quy trình thủ tục thanh quyết toán đối với chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng: Theo quy định tại Khoản 7, Quyết định 298/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của UBND tỉnh Trà Vinh: Phòng Tài chính- Kế hoạch cấp huyện tham mưu cho UBND cấp huyện quyết định hỗ trợ đối với Hợp tác xã; Kho bạc Nhà nước huyện, thị xã, thành phố kiểm soát chi theo quyết định hỗ trợ của UBND cùng cấp.

Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể (Theo Luật hợp tác xã 2012) không quan hệ thường xuyên với ngân sách và thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, thực hiện hỗ trợ theo hình thức lệnh chi tiền là phù hợp với nhiệm vụ chi được quy định tại Khoản 1, Điều 19, Luật NSNN.

Về quy trình chi theo hình thức lệnh chi tiền (thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 19, Luật NSNN): sau khi Hợp tác xã nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định gửi Phòng Tài chính Kế hoạch, nếu đủ điều kiện trình UBND huyện quyết định hỗ trợ và lập lệnh chi tiền gửi đến Kho bạc Nhà nước. Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của lệnh chi tiền, căn cứ nội dung trên lệnh chi tiền, thực hiện xuất quỹ ngân sách, chuyển tiền vào tài khoản hoặc chi bằng tiền mặt cho các đối tượng ngân sách.

4.2 Trình tự, hồ sơ cấp quyết định chủ trương đầu tư cho Hợp tác xã. (Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận Nhà đầu tư)

Bước 1: Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư thực hiện tại khoản 1 Điều 33 Luật đầu tư năm 2020, gồm:

a) Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận (*đính kèm Mẫu I.A.1*);

b) Đề xuất dự án đầu tư (*đính kèm Mẫu I.A.3*);

c) Tài liệu về tư cách pháp lý của HTX;

d) Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của hợp tác xã; hoặc cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; hoặc bảo lãnh về năng lực tài chính của hợp tác xã; hoặc tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của hợp tác xã. Trường hợp sử dụng vốn vay, thì vốn sở hữu để thực hiện dự án không thấp hơn 20% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất dưới 20 héc ta; không thấp hơn 15% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 héc ta trở lên.

đ) Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;

e) Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).

g) Đối với trường hợp không thuê đất của nhà nước, Hợp tác xã nộp một trong các tài liệu giải trình sau (khoản 2 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ):

- Trường hợp dự án không thuộc Danh mục dự án thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua; Tài liệu chứng minh đi kèm là bản sao hợp lệ Quyết định giao đất hoặc quyết định cho thuê đất, hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất trong trường hợp đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận Hợp tác xã đối với Hợp tác xã có quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 29 của Luật Đầu tư;

- Trường hợp Hợp tác xã nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 29 của Luật Đầu tư. Trường hợp này, Sở Tài nguyên và Môi trường có hướng dẫn tại Công văn số 735/STNMT/QLĐĐ ngày 06/4/2021. Hợp tác xã phải nộp bản sao hợp lệ văn bản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền chấp thuận việc nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư và bản sao hợp lệ các giấy tờ, văn bản khác thỏa thuận sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư trong trường hợp đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận Hợp tác xã. Hợp tác xã phải thực hiện Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ (đính kèm mẫu) gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để trình UBND tỉnh xem xét, chấp thuận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án phi nông nghiệp.

Bước 2: nộp 04 bộ hồ sơ, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc;

Bước 3: nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh (Số 25, đường Võ Nguyên Giáp, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh).

4.3. Trình tự thủ tục hồ sơ về đất đai cho hợp tác xã.

4.3.1. Trường hợp Hợp tác xã xin thuê đất không qua đấu giá quyền sử dụng đất (từ quỹ đất công):

a. Điều kiện: hoàn tất công tác ký quỹ đầu tư (Văn bản xác nhận đã ký quỹ đầu tư của Cơ quan đăng ký đầu tư kèm theo thành phần hồ sơ)

b. Thành phần hồ sơ gồm: Sau khi được cấp quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đầu tư, Nhà đầu tư lập hồ sơ về đất đai như sau:

- Đơn xin thuê đất (theo Mẫu số 01 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Bản sao giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư kèm theo bản thuyết minh dự án đầu tư và Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của hợp tác xã.

- Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng; thẩm định điều kiện cho thuê đất quy định tại Khoản 3 Điều 58 của Luật Đất đai và điều 14 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (do cơ quan đăng ký đầu tư đã lập khi cấp quyết định chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư)

- Trích lục bản đồ địa chính thửa đất xin thuê.

- Tờ khai lệ phí trước bạ nhà, đất (mẫu số 01 kèm theo Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ).

- Bản kê khai diện tích đất chuyên trồng lúa nước theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ (đối với trường hợp khu đất xin giao hoặc xin thuê có nguồn gốc sử dụng từ đất chuyên trồng lúa nước).

- Các văn bản khác có liên quan (nếu có).

4.3.2. Trường hợp Hợp tác xã thỏa thuận với hộ gia đình, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất kết hợp chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư, thành phần hồ sơ gồm:

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng, chứng thực theo quy định.

- Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Đơn xin đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất (theo Mẫu 09/ĐK Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Bản sao giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư kèm theo bản thuyết minh dự án đầu tư và Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của hợp tác xã.

- Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất (theo Mẫu số 01 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

- Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng; thẩm định điều kiện cho thuê đất quy định tại Khoản 3 Điều 58 của Luật Đất đai và điều 14 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (do cơ quan đăng ký đầu tư đã lập khi cấp quyết định chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư)

- Văn bản của người sử dụng đất đề nghị được chiết khấu trừ tiền nhận nhượng chuyển quyền sử dụng đất vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp (bản chính).

- Chứng từ thanh toán tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật cho người sử dụng đất (bản sao).

- Tờ khai lệ phí trước bạ nhà, đất (mẫu số 01 kèm theo Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ).

- Bản kê khai diện tích đất chuyên trồng lúa nước theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ (đối với trường hợp khu đất xin giao hoặc xin thuê có nguồn gốc sử dụng từ đất chuyên trồng lúa nước).

- Văn bản khác có liên quan (nếu có).

4.3.3. Trường hợp Hợp tác xã nhận góp vốn quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân kết hợp chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư:

- Hợp đồng góp vốn quyền sử dụng đất đã được công chứng, chứng thực theo quy định.

- Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Bản sao giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư kèm theo bản thuyết minh dự án đầu tư và Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của chủ đầu tư.

- Đơn xin đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất (theo Mẫu số 09/ĐK Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất (theo Mẫu số 01 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng; thẩm định điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại Khoản 3 Điều 58 của Luật Đất đai và Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (do cơ quan đăng ký đầu tư đã lập khi cấp quyết định chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư).

- Tờ khai lệ phí trước bạ nhà, đất (mẫu số 01 kèm theo Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ).

- Bản kê khai diện tích đất chuyên trồng lúa nước theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ (đối với trường hợp khu đất xin giao hoặc xin thuê có nguồn gốc sử dụng từ đất chuyên trồng lúa nước).

- Văn bản khác có liên quan (nếu có).

4.3.4. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp kết hợp chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư, thành phần hồ sơ gồm:

a. Điều kiện: Hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất khi thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân thành lập doanh nghiệp thì được đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp.

b. Thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản của các thành viên trong hộ gia đình sử dụng đất đồng ý chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình vào doanh nghiệp tư nhân đã được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật.

- Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Đơn xin đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất (theo Mẫu số 09/ĐK Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Hợp đồng thuê đất đã ký của hộ gia đình, cá nhân (chỉ áp dụng cho trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do Nhà nước cho thuê).

- Bản sao giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư kèm theo bản thuyết minh dự án đầu tư và Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của chủ đầu tư.

- Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất (theo Mẫu số 01 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng; thẩm định điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại Khoản 3 Điều 58 của Luật Đất đai và Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (do cơ quan đăng ký đầu tư đã lập khi cấp quyết định chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư).

- Tờ khai lệ phí trước bạ nhà, đất (*mẫu số 01 kèm theo Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ*).

- Bản kê khai diện tích đất chuyên trồng lúa nước theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ (đối với trường hợp khu đất xin giao hoặc xin thuê có nguồn gốc sử dụng từ đất chuyên trồng lúa nước).

- Văn bản khác có liên quan (nếu có).

4.3.5. Trường hợp Hợp tác xã thuê quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án đầu tư:

a. Điều kiện: Không áp dụng đối với các dự án có vốn đầu tư nước ngoài;

b. Các bước thực hiện:

- Trước khi thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án phi nông nghiệp, Hợp tác xã phải có Văn bản gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo Mẫu số 01 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/12/2020.

- Sau khi được UBND tỉnh chấp thuận cho phép thuê quyền sử dụng đất; người đang sử dụng đất (người cho thuê đất) liên hệ UBND cấp huyện để lập thủ tục xin chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với mục đích dự án cho thuê.

- Lập Hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất theo quy định.

5. Lập dự toán hàng năm:

Ngoài các nội dung thực hiện theo quy định tại Mục IV, V, Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh. Sở Tài chính hướng dẫn bổ sung thêm một số nội dung trong việc lập dự toán hàng năm đối với nội dung quy định tại khoản 1, 2 của hướng dẫn này. Cụ thể như sau:

5.1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là cấp huyện).

- Hàng năm, thông báo các hợp tác xã lập dự toán kinh phí hỗ trợ theo Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, gửi Phòng Nông

nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với hợp tác xã nông nghiệp), gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch (đối với hợp tác xã phi nông nghiệp) trước **ngày 05 tháng 7 hàng năm**.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định, tổng hợp trong dự toán ngân sách địa phương, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với hỗ trợ nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể), Sở Tài chính (đối với hỗ trợ thành lập mới củng cố tổ chức kinh tế tập thể, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã), Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm), Liên minh Hợp tác xã tỉnh trước **ngày 15 tháng 7 hàng năm** để tổng hợp chung dự toán kinh phí chính sách hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên phạm vi toàn tỉnh.

5.2. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ hợp tác xã trên phạm vi toàn tỉnh từ nguồn ngân sách địa phương (vốn sự nghiệp), nguồn lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, với nội dung hỗ trợ tại khoản 2, Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh (Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể) gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trước **ngày 20 tháng 7 hàng năm**.

5.3. Trách nhiệm của Sở Công thương.

Tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ hợp tác xã trên phạm vi toàn tỉnh từ nguồn ngân sách địa phương (vốn sự nghiệp), ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp), với nội dung hỗ trợ tại khoản 3, Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh (Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường) gửi Sở Tài chính trước **ngày 20 tháng 7 hàng năm**.

5.4. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ hợp tác xã trên phạm vi toàn tỉnh từ nguồn vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 và vốn sự nghiệp, với nội dung hỗ trợ tại khoản 4, Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh (Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm) gửi Sở Tài chính trước **ngày 20 tháng 7 hàng năm**.

6. Thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ đối với nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 của Hướng dẫn liên ngành này.

Các khoản kinh phí còn dư (nếu có) phải hoàn trả lại ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

7. Chế độ báo cáo.

Định kỳ 06 tháng báo cáo trước **ngày 01 tháng 7 hàng năm**, báo cáo năm trước **ngày 31 tháng 01 năm sau**; các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm báo cáo đánh giá tình hình thực hiện công tác triển khai, thực hiện hỗ trợ kinh phí: Thành lập mới củng cố tổ chức kinh tế tập thể, liên hiệp hợp tác xã; nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm gửi

về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, các Bộ, ngành liên quan.

Trên đây là Hướng dẫn liên ngành, trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc; đề nghị các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để kịp thời tháo gỡ. Trường hợp, Bộ Tài chính có Thông tư hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí của Chương trình thì Sở Tài chính sẽ phối hợp các Sở, ngành có liên quan điều chỉnh cho phù hợp.

(Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn liên ngành số 862/HD-SKHĐT-STNMT-SXD ngày 07/5/2021 của liên Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng hướng dẫn thực hiện Chương trình hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025)./.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI CHÍNH

SỞ XÂY DỰNG
PHÓ GIÁM ĐỐC

Vương Hải Khoa

Nguyễn Văn Kha

Lê Thanh Dũng

Nguyễn Văn Hùng

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng Tỉnh ủy (b/c);
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Công thương;
- Kế hoạch và ĐT;
- Sở Tài chính;
- Sở Xây dựng;
- Sở Tài nguyên và MT;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Phòng TC-KH các huyện, TX và TP;
- Phòng NN& PTNT các huyện;
- Phòng Kinh tế TX, TP;
- UBND các xã, phường, TT;
- Các HTX NN của tỉnh;
- Lưu: VT.